

Bản án số: 04/2024/DS - ST.

Ngày: 17 - 01 - 2024.

“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Ngọc Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thạch Thanh Tâm.
2. Ông Nguyễn Hồng Được.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Gia Mẫn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Lê Hồng Như - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 117/2023/TLST - DS, ngày 31 tháng 10 năm 2023 về “tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 182/2023/QĐXXST-DS, ngày 11 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Công ty S; địa chỉ: Số X Đường L, Phường Y, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

- Ông Đỗ Văn D – Chuyên viên pháp lý tổ tụng thuộc phòng thu hồi nợ của Công ty S; địa chỉ: Số X Đường L, Phường Y, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền số 231002-52-CCO ngày 02/10/2023) (vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Ông Mạch Minh T – Nhân viên thu hồi nợ thuộc phòng thu hồi nợ của Công ty S; địa chỉ: Số X Đường L, Phường Y, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền ngày 26/10/2023) (vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Lê Minh T, sinh năm 1981; địa chỉ: Ấp H, thị trấn N, huyện P, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện lập ngày 02/10/2023 của nguyên đơn Công ty S (sau đây viết tắt là Công ty) và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 02/06/2021, ông Lê Minh T đã ký Hợp đồng tín dụng số CL021027899 (Hợp đồng) với Công ty. Theo Hợp đồng, ông T đã vay số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng), để mua tiêu dùng, lãi suất thực tế hàng tháng 4,13%. Theo đó, vào ngày 2 hàng tháng, ông T phải thanh toán cho Công ty S 1.649.960 đồng (một triệu, sáu trăm bốn mươi chín nghìn, chín trăm sáu mươi đồng) liên tục trong 18 kỳ trả góp bắt đầu từ ngày 02/7/2021 đến ngày 02/12/2022. Tính đến ngày trên đơn khởi kiện này, ông T đã chậm thanh toán cho HD SAISON 18 kỳ trả góp tương ứng với 26.501.127 đồng (hai mươi sáu triệu, năm trăm lẻ một nghìn, một trăm hai mươi bảy đồng) bắt đầu từ kỳ ngày 02/07/2021, phí chuyển tiền 12,000 đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông T đã có hành vi vi phạm các điều khoản được quy định tại hợp đồng và quy định của pháp luật.

Kể từ thời điểm xảy ra sự kiện vi phạm nghĩa vụ thanh toán nêu trên, Công ty S đã nhiều lần liên lạc và yêu cầu ông T tuân thủ nghiêm túc nghĩa vụ thanh toán cho Công ty S theo Hợp đồng. Tuy nhiên, Công ty S không nhận được bất kỳ sự hợp tác nào từ phía ông T.

Nay Công ty S yêu cầu bị đơn ông T phải hoàn trả cho Công ty S toàn bộ số tiền gốc chưa thanh toán là: 20.000.000 đồng; thanh toán tiền lãi chưa thanh toán theo hợp đồng là: 4.427.209 đồng; thanh toán tiền lãi quá hạn do vi phạm nghĩa vụ thanh toán là: 2.073.918 đồng; tổng số tiền ông Lê Minh T phải thanh toán một lần cho Công ty S là: 26.501.127 đồng; ngay khi Bản án/Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Ông Lê Minh T phải chịu lãi suất chậm thanh toán kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông T không thanh toán số tiền trên thì phải chịu lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án. Ngân hàng không yêu cầu ông T thanh toán thêm các khoản lãi phát sinh kể từ thời điểm Tòa án xem xét thụ lý, giải quyết đến khi xét xử.

- Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lê Minh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần để tham gia tố tụng tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tổng đạt các văn bản tố tụng khác nhưng không thể thực hiện được thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo trực tiếp được vì ông T đã bỏ địa phương đi và không thông báo cho Tòa án và nguyên đơn biết việc đã thay đổi địa chỉ nơi cư trú và địa chỉ nơi cư trú mới, nên căn cứ vào khoản 3 Điều 70, khoản 1 Điều 72, khoản 3 Điều 177 và Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

- Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tham gia phiên tòa trình bày ý kiến: Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ

án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, đối với bị đơn ông Lê Minh T chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra các chứng cứ và kết quả tranh luận tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn ông Lê Minh T hoàn trả cho Công ty S toàn bộ số tiền gốc chưa thanh toán là: 20.000.000 đồng; thanh toán tiền lãi chưa thanh toán theo hợp đồng là: 4.427.209 đồng; thanh toán tiền lãi quá hạn do vi phạm nghĩa vụ thanh toán là: 2.073.918 đồng; tổng số tiền ông Lê Minh T phải thanh toán một lần cho Công ty S là: 26.501.127 đồng ngay khi Bản án/Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Ông Lê Minh T phải chịu lãi suất chậm thanh toán kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông T không thanh toán số tiền trên thì phải chịu lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án. Ngân hàng không yêu cầu ông T thanh toán thêm các khoản lãi phát sinh kể từ thời điểm Tòa án xem xét thụ lý, giải quyết đến khi xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Theo nội dung khởi kiện, nguyên đơn Công ty S yêu cầu ông Lê Minh T trả số tiền nợ đã thực hiện giao dịch mà ông Lê Minh T ký kết tại Hợp đồng tín dụng số CL021027899 Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng thụ lý vụ án và xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giải quyết “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong vụ án, bị đơn ông Lê Minh T cư trú tại ấp H, thị trấn N, huyện P, tỉnh Sóc Trăng nên Tòa án nhân dân huyện Long Phú thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn ông Lê Minh T đã được triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 3 Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn ông T.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn Công ty S và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Để chứng minh cho việc bị đơn ông Lê Minh T có vay vốn, Công ty cung cấp cho Tòa án chứng cứ là hợp đồng tín dụng số CL021027899 ngày 02/06/2021 và đề nghị cấp tín dụng kèm thỏa thuận sử dụng dịch vụ điện tử số CL021027899 ngày 02/06/2021 đều có chữ ký của bị đơn ông Lê Minh T ở mục bên vay, giấy xác nhận tài khoản Ngân hàng ngày 02/06/2021, giấy ủy nhiệm chi ngày 07/6/2021 và các giấy tờ khác có liên quan. Xét thấy, về hình thức, nội dung các văn bản này là phù hợp theo quy định của pháp luật nên được thừa nhận và bảo vệ. Các bên tham gia có các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ Hợp đồng đã ký; đồng thời, trong quá trình

giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng và thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho ông T biết nhưng ông T không có ý kiến phản đối gì. Căn cứ vào khoản 2, khoản 4 Điều 91; khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự các tình tiết nêu trên là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh trong vụ án, nên Hội đồng xét xử khẳng định ông T đã vay và nhận đủ của Công ty số tiền là 20.000.000 đồng. Theo bảng chi tiết thanh toán do Công ty cung cấp thể hiện sau khi vay ông T chưa trả cho Công ty bất kỳ khoản tiền nợ nào. Do đó, việc ông T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo giao kết trong hợp đồng đã vi phạm Mục 5, 8 của Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết, ông T là người có lỗi, là người vi phạm hợp đồng nên phải chịu mọi hậu quả theo giao kết và theo quy định của pháp luật. Vì vậy, việc nguyên đơn Công ty yêu cầu thu hồi nợ trước hạn và buộc bị đơn ông T phải trả cho Công ty số tiền vay gốc là 20.000.000 đồng và tiền lãi là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn Công ty và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại hợp đồng tín dụng số CL021027899 ngày 02/06/2021 và đề nghị cấp tín dụng kiêm thỏa thuận sử dụng dịch vụ điện tử số CL021027899 ngày 02/06/2021 giữa Công ty và ông T đã giao kết mức lãi suất là Lãi suất 4,13%/năm. Lãi suất nợ gốc quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn nên ông T phải có nghĩa vụ trả lãi cho Công ty theo giao kết là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại bản tự khai ngày 15/12/2023 người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chỉ yêu cầu ông T hoàn trả tiền lãi theo giao kết trong hợp đồng từ ngày 02/7/2021 đến ngày 02/10/2023 với số tiền là 6.501.127 đồng (trong đó: Lãi trong hạn là: 4.427.209, lãi quá hạn: 2.073.918 đồng), không yêu cầu thanh toán thêm các khoản lãi phát sinh kể từ ngày Tòa án thụ lý giải quyết đến khi xét xử và ông Lê Minh T phải chịu lãi suất chậm thanh toán kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông T không thanh toán số tiền trên thì phải chịu lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án là có căn cứ, phù hợp với nội dung thỏa thuận về việc trả nợ gốc lãi, chuyển nợ quá hạn, tính lãi tiền vay tại hợp đồng tín dụng đã ký kết nên có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như vậy, bị đơn ông Lê Minh T có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn Công ty số tiền vay gốc còn lại là 20.000.000 đồng, tiền lãi theo giao kết trong hợp đồng đến ngày 02/10/2023 là 6.501.127 đồng, tổng cộng là 26.501.127 đồng và ông Lê Minh T phải chịu lãi suất chậm thanh toán kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông T không thanh toán số tiền trên thì phải chịu lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

[5] Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị đơn phải chịu 1.325.056 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nguyên đơn Công ty S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 70, khoản 1 Điều 72, khoản 2, khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 3 Điều 177, Điều 179 điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 3 Điều 235, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 91 và khoản 1 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự.

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty S.

Buộc bị đơn ông Lê Minh T có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn Công ty S số tiền vay gốc 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng), tiền lãi theo giao kết trong hợp đồng là 6.501.127 đồng (sáu triệu, năm trăm lẻ một nghìn, một trăm hai mươi bảy đồng), tổng cộng là 26.501.127 đồng (hai mươi sáu triệu, năm trăm lẻ một nghìn, một trăm hai mươi bảy đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng ông Lê Minh T phải trả lãi cho nguyên đơn theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Lê Minh T phải chịu 1.325.056 đồng (một triệu, ba trăm hai mươi lăm nghìn, không trăm năm mươi sáu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn Công ty S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí là 662.000 đồng (sáu trăm sáu mươi hai nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0010087, ngày 23/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

[3] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định của pháp luật.

[4] Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Long Phú;
- Chi cục THADS huyện Long Phú;
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P.KTNV&THA);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Ngọc Ánh